

QUYẾT ĐỊNH

**Danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp
đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 89/TTr-SKHĐT ngày 14/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Được hưởng ưu đãi về thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Ưu đãi về thuế xuất, nhập khẩu: Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản pháp lý có liên quan.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất: Đối với diện tích đất thực hiện dự án, được xem xét áp dụng các chính sách ưu đãi về đất đai theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản pháp lý có liên quan.



4. Các hình thức hỗ trợ đầu tư: Được xem xét hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, lao động và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nhà đầu tư có trách nhiệm:

a) Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án sau khi dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư nhưng phải trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 27 của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

b) Thực hiện chế độ báo cáo, giám sát dự án đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư; Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đánh giá đầu tư và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

3. Dự án đầu tư của nhà đầu tư bị chấm dứt hoạt động khi vi phạm các quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư.

4. Nhà đầu tư chỉ được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khi đáp ứng các điều kiện để được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc các doanh nghiệp có tên trong danh mục được nêu tại Điều 1; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, cvquoc (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chín

Kiên Giang, ngày 06 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
DANH MỤC DỰ ÁN KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN
(Kèm theo Quyết định số: 2568/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Quy mô/công suất	Địa điểm	Tiến độ thực hiện dự án	Ưu đãi và điều kiện áp dụng	Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương	Dự kiến vốn đầu tư	Dự kiến vốn hỗ trợ (theo Nghị định)	Ghi chú
	Tổng cộng						1.818.330	193.834	
I	Danh mục dự án nhà đầu tư triển khai đầu tư trước Nghị định số 57/2018/NĐ-CP						290.000	63.284	
1	Tên dự án: Dự án Khu nuôi tôm công nghiệp Trung Sơn (Dương Hòa)	892,88 ha	Áp Bãi Ót, xã Dương Hòa, Kiên Lương	2009-2020	hỗ trợ khoản 6, Điều 9 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	50 năm, kể từ ngày 23/3/2009	290.000	63.284	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, thiết bị, xử lý môi trường 300 triệu đồng/ha đối với doanh nghiệp đầu tư các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
	Tên Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Trung Sơn								
	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 2318777261, chứng nhận lần đầu ngày 23/3/2009, chứng nhận thay đổi lần thứ năm ngày 12/3/2020.								

TT	Tên dự án	Quy mô/công suất	Địa điểm	Tiến độ thực hiện dự án	Ưu đãi và điều kiện áp dụng	Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương	Dự kiến vốn đầu tư	Dự kiến vốn hỗ trợ (theo Nghị định)	Ghi chú
II	Danh mục dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư (đang lập thủ tục giao đất, thủ tục xây dựng, chưa triển khai thực hiện dự án)						1.473.330	109.500	
2	Tên dự án: Dự án Trạm cấp nước sinh hoạt nông thôn xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, Công suất 75m³/h (1.000m³/ngày). Tên nhà đầu tư: Công ty TNHH Cấp nước sinh hoạt nông thôn Thạnh Phước Quyết định chủ trương đầu tư số 81/QĐ-UBND ngày 14/01/2020	0,08ha	xã Thạnh Phước, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	Quý IV/2019-Quý III/2021	hỗ trợ khoản 1, Điều 13 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	50 năm từ ngày 14/01/2020	11.700	6.500	hỗ trợ 3 triệu m ³ /ngày đêm = 3 tỷ; 50% chi phí đường ống chính=3,5 tỷ; hỗ trợ bù lãi vay
3	Tên dự án: Nhà máy nước Giồng Riềng, Tân Hiệp Tên nhà đầu tư: Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại N.I.D Quyết định chủ trương đầu tư số 613/QĐ-UBND ngày 12/3/2020	0,8ha, công suất 15.000m ³ /ngày đêm	ấp Bờ Xáng, xã Thạnh Bình, Giồng Riềng	7/2019-2030	hỗ trợ khoản 1, Điều 13 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	50 năm từ ngày 12/3/2020	110.000	28.000	GD1: hỗ trợ 8.000m ³ x 3 triệu m ³ /ngày đêm = 24 tỷ; 50% chi phí đường ống chính 40km x 200 triệu x 50%= 4 tỷ; hỗ trợ bù lãi vay
4	Tên dự án: Nhà máy cấp nước liên xã Tân Thành, Tân Hội, Tân Hòa, Tân An và các vùng lân cận huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang Tên nhà đầu tư: Liên danh Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lộc Phát Quyết định chủ trương đầu tư số 612/QĐ-UBND ngày 12/3/2020	7,18ha	ấp Thạnh Bình, Tân Thành, Tân Hiệp, KG	Quý IV/2019-2021	hỗ trợ khoản 1, Điều 13 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	50 năm từ ngày 12/3/2020	151.630	29.600	GD1: hỗ trợ 7.200m ³ x 3 triệu m ³ /ngày đêm = 21.600 tỷ; 50% chi phí đường ống chính 80km x 200 triệu x 50%= 8 tỷ; hỗ trợ bù lãi vay

TT	Tên dự án	Quy mô/công suất	Địa điểm	Tiến độ thực hiện dự án	Ưu đãi và điều kiện áp dụng	Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương	Dự kiến vốn đầu tư	Dự kiến vốn hỗ trợ (theo Nghị định)	Ghi chú
5	Tên dự án: Dự án Nhà máy xử lý rác thải và sản xuất sản phẩm năng lượng	công suất 100 tấn rác/ngày; diện tích 16,512ha	ấp Trà Phô, Phú Mỹ, Giang Thành, KG	Quý II/2019 đến Quý IV/2020	hỗ trợ khoản 2, Điều 13 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	50 năm từ ngày 03/3/2020	320.000	5.000	hỗ trợ 60% CP mua thiết bị, xây dựng hệ thống xử lý, nhưng không quá 5 tỷ đồng
	Tên nhà đầu tư: Công ty TNHH Bất động sản Tâm Hằng								
	Quyết định chủ trương đầu tư số 522/QĐ-UBND ngày 03/3/2020								
6	Tên dự án: Cụm chế biến, bảo quản nông sản	chế biến gạo công suất 100.000 tấn/năm; chế biến sản phẩm sau gạo 10.000 tấn/năm; chế biến rau củ quả đóng hộp 6.000.000 lon sản phẩm/năm; kho chứa 5.000 tấn/năm; diện tích 4,599ha	Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, Huyện Gò Quao	Quý IV/2019 đến Quý IV/2022	hỗ trợ khoản 1, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	50 năm từ ngày 06/5/2020	95.000	15.000	hỗ trợ 60% kinh phí đầu tư, nhưng không quá 15 tỷ đồng/dự án
	Tên nhà đầu tư: Công ty TNHH Nông nghiệp Ngọc Phước								
	Quyết định chủ trương đầu tư số 1096/QĐ-UBND ngày 06/5/2020								

[illegible]

TT	Tên dự án	Quy mô/công suất	Địa điểm	Tiến độ thực hiện dự án	Ưu đãi và điều kiện áp dụng	Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương	Dự kiến vốn đầu tư	Dự kiến vốn hỗ trợ (theo Nghị định)	Ghi chú
III	Danh mục dự án nhà đầu tư dự kiến đầu tư						55.000	21.050	
10	Tên Dự án: Cơ sở chế biến nông sản (nhà máy sấy, xay xát lúa gạo). Tên nhà đầu tư dự kiến đề xuất đầu tư: Công ty TNHH MTV XNK Nông nghiệp công nghệ sạch Tường Lâm.	Hệ thống bảo quản 10.000 tấn, hệ thống sấy lúa 600 tấn/ngày, dây chuyền xay xát và bóc vỏ 300 tấn/ngày đạt tiêu chuẩn xuất khẩu	ấp Đồng Cơ, Xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành	Đến năm 2020 hoàn thành đưa vào hoạt động	hỗ trợ khoản 1, khoản 2, Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	50 năm	35.000	12.800	kinh phí đầu tư 18 tỷ đồng, hỗ trợ 60% = 10 tỷ đồng; hỗ trợ bảo quản 70% CP đầu tư, nhưng không quá 2 tỷ đồng
11	Tên Dự án: Nhà máy cấp nước liên xã Vĩnh Tuy - Vĩnh Thắng Tên nhà đầu tư dự kiến đề xuất đầu tư: Công ty TNHH MTV Cấp nước Vĩnh Thắng.	Công suất 1.200m ³ /ngày đêm	Xã Vĩnh Thắng, Gò Quao		hỗ trợ khoản 1, Điều 13 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP	50 năm	20.000	8.250	hỗ trợ 3 triệu m ³ /ngày đêm = 3 tỷ đồng; 50% chi phí đường ống chính = 35x300tr x 50%=5,25 tỷ đồng; hỗ trợ bù lãi vay